

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẢNG BOM
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số: **21/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 08-5-2019

V/v: “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM – TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thùy Dung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Xuân Tuất

Ông Doãn Đức Hùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Trung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hữu Tình – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 237/2019/TLST- HNGĐ ngày 25/03/2019 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** *Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1991*

HKTT: Tổ ab, Khu phố c, thị trấn Tr B, huyện Tr B, tỉnh Đồng Nai.

*** Bị đơn:** *Anh Phạm Văn N, sinh năm 1986*

HKTT: Tổ a, Khu phố b, thị trấn Tr B, huyện Tr B, tỉnh Đồng Nai

Tạm trú tại: Đường h, khu phố c, thị trấn Tr B, huyện Tr B, tỉnh Đồng Nai.

(*Các đương sự có mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn – chị Nguyễn Thị H trình bày:**

Chị và anh Phạm Văn N tự nguyện thương yêu nhau và về sống chung với nhau vào tháng 10/2015, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn.

Quá trình chung sống, chị và anh N đã phát sinh nhiều mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, không tin tưởng lẫn nhau nên trong gia đình thường xuyên xảy ra cãi vã.

Chị và anh N đã sống ly thân gần 03 năm nay, không còn sự quan tâm chăm sóc đến nhau, tình cảm không còn. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận là vợ chồng với anh N.

Về con chung: Anh chị chung sống có 01 con chung là cháu Phạm Nguyễn Linh Ch, sinh ngày 26/5/2016. Khi chấm dứt quan hệ hôn nhân với anh N, chị yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.500.000đ.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Ngoài ra, chị H không có yêu cầu nào khác

** Bị đơn – anh Phạm Văn N trình bày:*

Anh và chị Nguyễn Thị H tự nguyện tìm hiểu nhau và chung sống với nhau vào tháng 10/2015. Hai bên gia đình có tổ chức lễ cưới nhưng do anh bị tai nạn giao thông nên chưa đi đăng ký kết hôn.

Quá trình sống chung lại thường xuyên xảy ra những chuyện không vui nên anh và chị H cũng không đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký kết hôn. Anh thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng xảy ra như lời chị H trình bày là đúng. Trong thời gian chung sống, anh chị thường xuyên xảy ra xung đột, cãi vã lẫn nhau nên dẫn đến việc sống ly thân 03 năm nay. Không ai còn quan tâm đến ai, tình cảm không còn. Nay chị H có yêu cầu Tòa án không công nhận là vợ chồng thì anh không có ý kiến gì.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Phạm Nguyễn Linh Ch, sinh ngày 26/5/2016. Khi không công nhận là vợ chồng với chị H, anh đồng ý giao cháu Chi cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.500.000đ.

Tài sản chung và nợ chung: Không có

Ngoài ra, anh N không có yêu phản tố trong vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách đương sự và việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận các văn bản tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định. Quyền lợi và nghĩa vụ tố tụng của các đương sự được bảo đảm.

Về nội dung vụ án: Chị H và anh N tổ chức lễ cưới vào ngày 15/11/2015 nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nên đã sống ly thân từ tháng 12/2016 cho đến nay.

Do vậy căn cứ Điều 14, 15, 16 Luật Hôn nhân gia đình, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không công nhận chị H và anh N là vợ chồng.

Về con chung: Chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Giao 01 con chung là cháu Phạm Nguyễn Linh Ch, sinh ngày 26/5/2016 cho chị H trực tiếp

chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.500.000đ. Nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không xem xét.

Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền*: Chị Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án không công nhận là vợ chồng với anh Phạm Văn N hiện đang tạm trú tại Đường h, khu phố c, thị trấn Tr B, huyện Tr B, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS thì Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] *Về quan hệ tranh chấp*: Căn cứ đơn khởi kiện đề ngày 18/03/2019 của chị Nguyễn Thị H, Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 BLTTDS.

[3] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị H và anh N chung sống với nhau như vợ chồng vào tháng 10/2015 trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán. Tuy nhiên, trước khi về chung sống với nhau cũng như trong quá trình chung sống thì chị H, anh N không đến Ủy ban nhân dân xã (phường) nơi cư trú để đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Vì vậy, hôn nhân giữa chị H và anh N không được pháp luật công nhận là hợp pháp, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Hội đồng xét xử nhận định, chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Văn N không là vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 là có căn cứ.

[4] *Về con chung*: Trong thời gian chung sống, chị H và anh N có 01 con chung là cháu Phạm Nguyễn Linh Ch, sinh ngày 26/5/2016. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên Tòa, chị H và anh N thống nhất thỏa thuận: Giao cháu Ch cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh N đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.500.000đ, kể từ ngày 08/5/2019 cho đến khi cháu Ch thành niên và có khả năng lao động. Việc thỏa thuận này là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] *Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự khai không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] *Về án phí*: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và tự nguyện chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

[7] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điều 9, Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không công nhận chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Văn N là vợ chồng.
2. Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Giao cháu Phạm Nguyễn Linh Ch, sinh ngày 26/5/2016 cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con số tiền là 1.500.000đ/tháng (Một triệu năm trăm nghìn đồng), kể từ ngày 08/5/2019 cho đến khi cháu Ch thành niên và có khả năng lao động.

Kể từ ngày chị H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh N chậm thi hành án đối với khoản tiền cấp dưỡng nêu trên thì còn pH chịu lãi theo mức lãi suất thỏa thuận là 10%/năm tương ứng với số tiền, thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Không ai được ngăn cản quyền đi lại, thăm nom và chăm sóc con chung.

Khi cần thiết, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và số tiền 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con, được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006513 ngày 25/03/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Trảng Bom. Chị Nguyễn Thị H còn phải nộp thêm 150.000đ án phí.

5. Chị H, anh N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND h.Trảng Bom;
- CC.THADS h.Trảng Bom;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chỉ tọa phiên tòa
(Đã ký tên và đóng dấu)

Đỗ Thùy Dung